CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Cao su Công nghiệp

Ngày 31/12/2025	4,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	-	-

DT thuần
Q4/25
1.57
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.74| 89.5%
YoY: ▼2.06| -56.7%

LN thuần
Q4/25
-10.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.67| -425%
YoY: ▼5.49| -105%

LN sau thuế
Q4/25
23.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 25.5| 1453%
YoY: ▲ 10.9| 84.9%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
350%
YoY: +/-▲ 284%

ROE
2025
8.6%
YoY: +/-▲ 1.4%

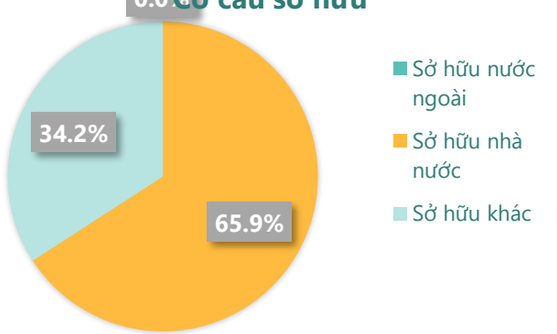
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,700 - 7,995
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	82
Số lượng CPLH (CP)	17,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.06
EPS	931
P/E	5.0

DT thuần
2025
5.87
tỷ VNĐ
YoY: ▼19.2| -76.7%

LN thuần
2025
-18.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼13.1| -243%

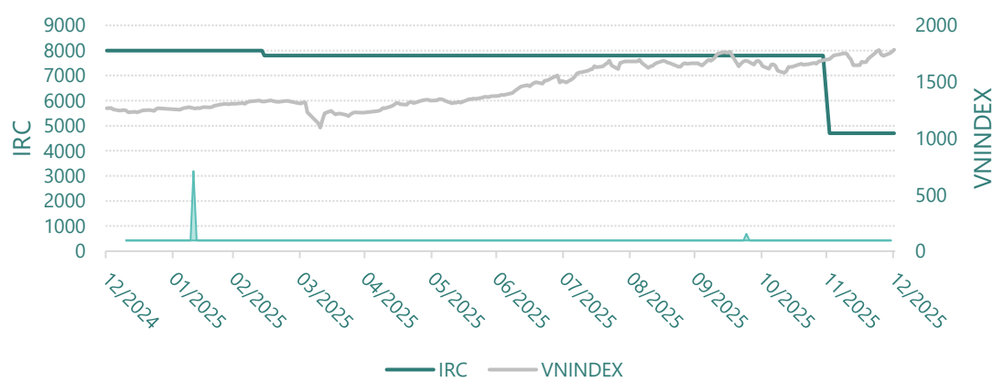
LN sau thuế
2025
16.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.10| 23.0%

Cơ cấu sở hữu

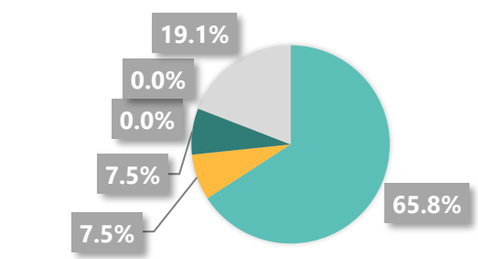


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

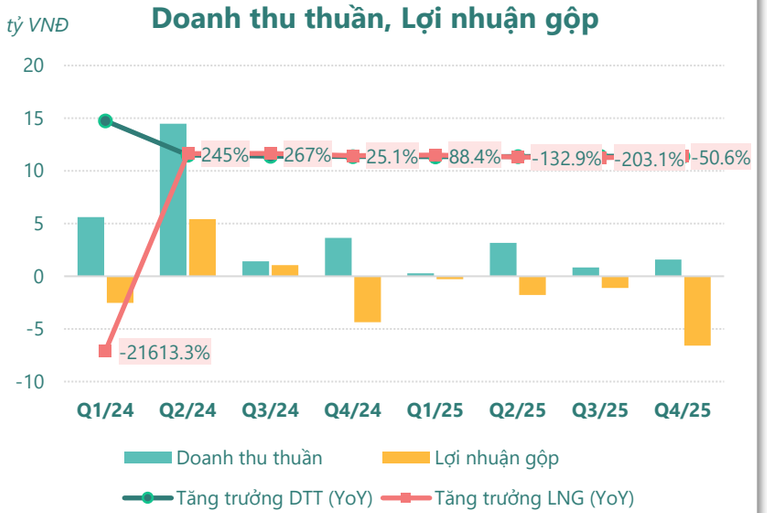


- Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai - TNHH MTV
- CTCP Tập đoàn Capella
- CTCP Đầu tư xây dựng Tuấn Lộc
- Nguyễn Đăng Tấn (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Thái Nguyên (Thành viên HĐQT)

(Nguồn: fireant.vn)

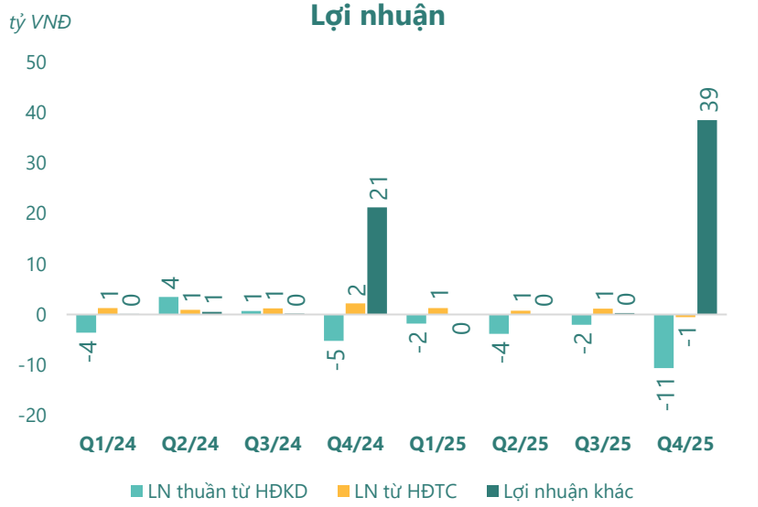
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



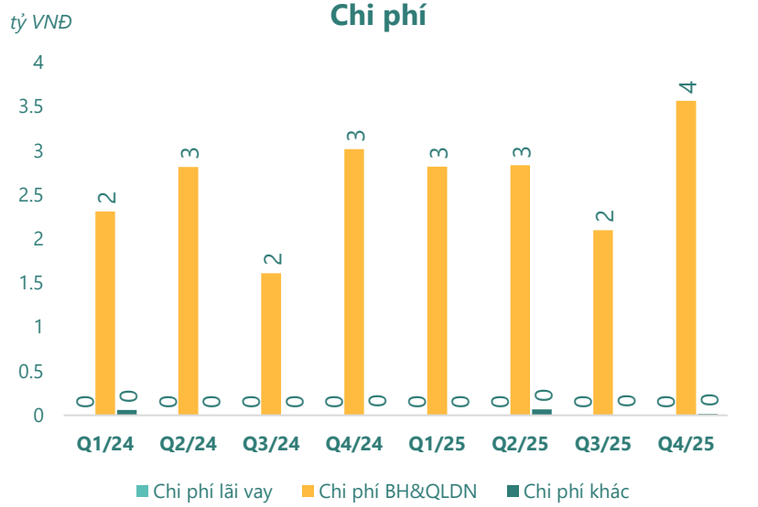
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



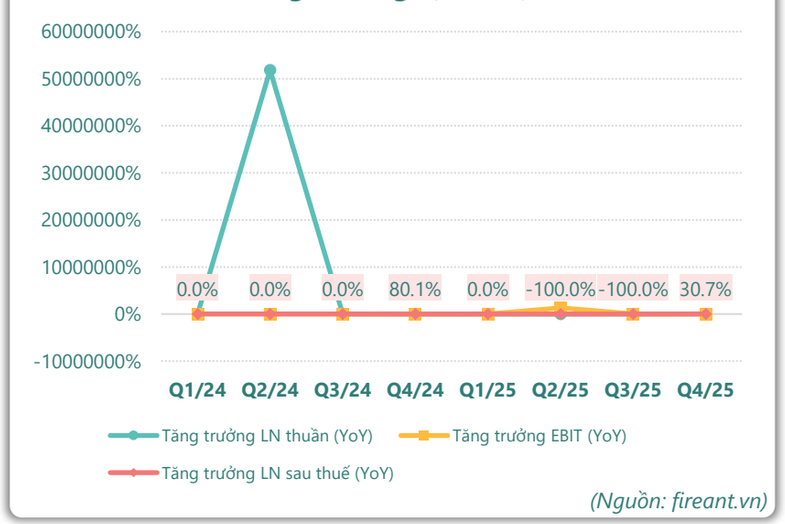
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



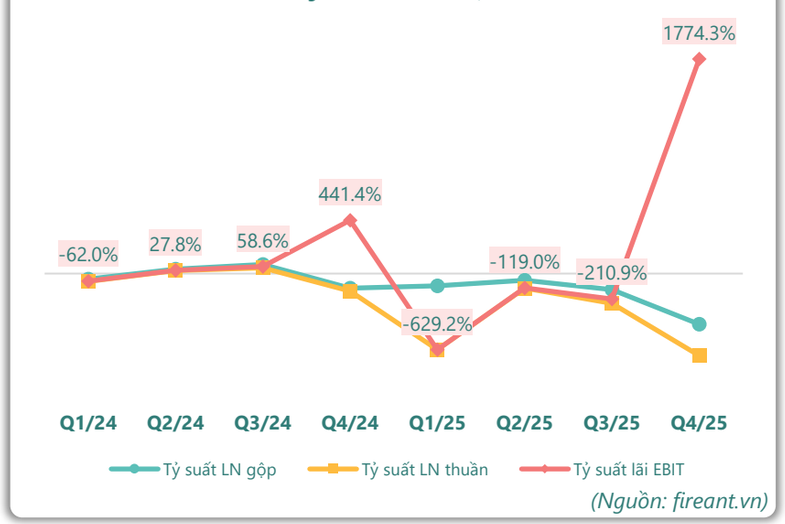
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



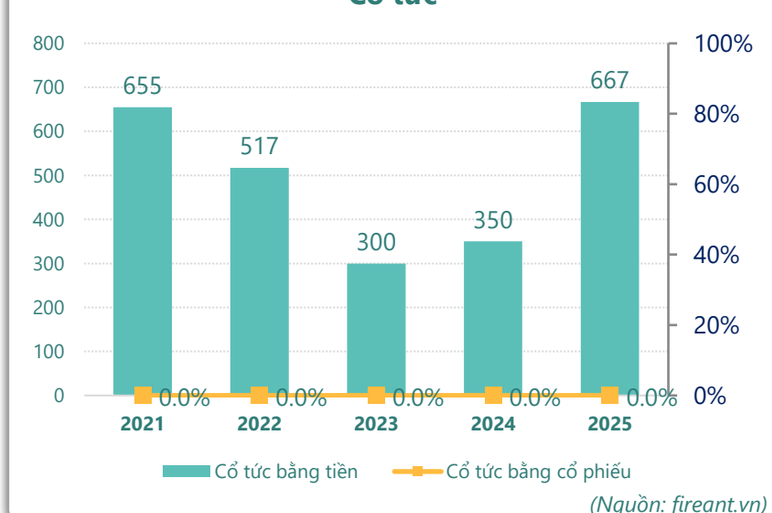
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



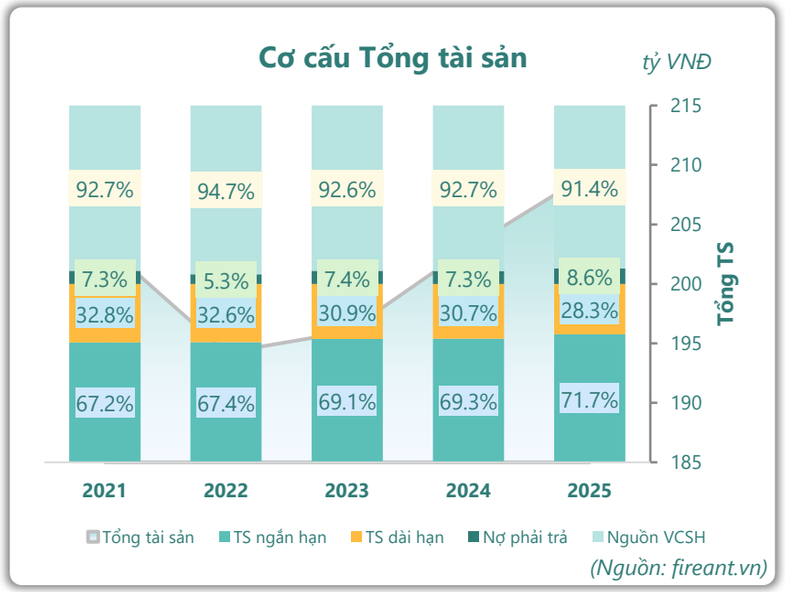
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

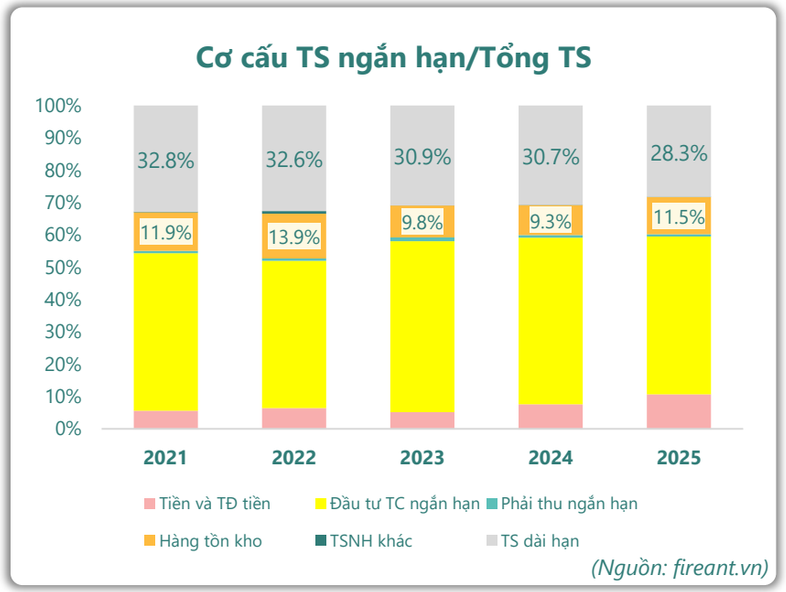


(Nguồn: fireant.vn)

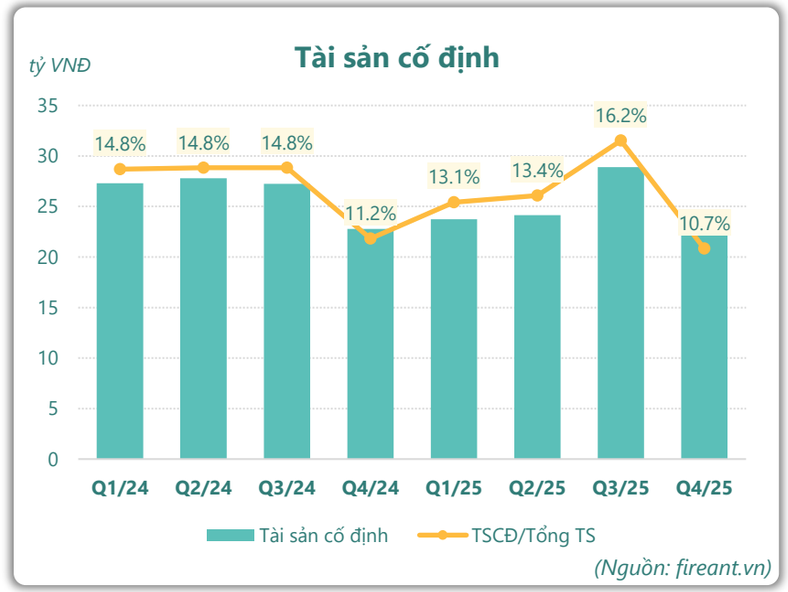
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



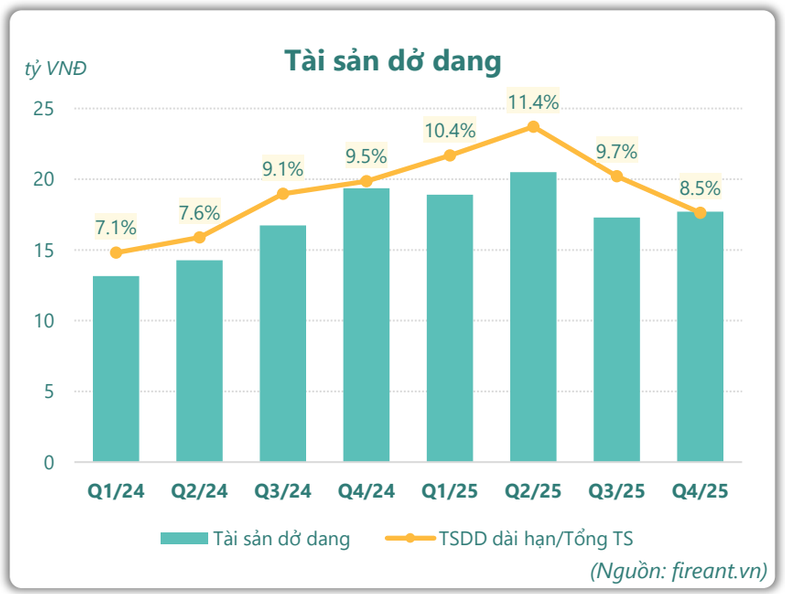
(Nguồn: fireant.vn)



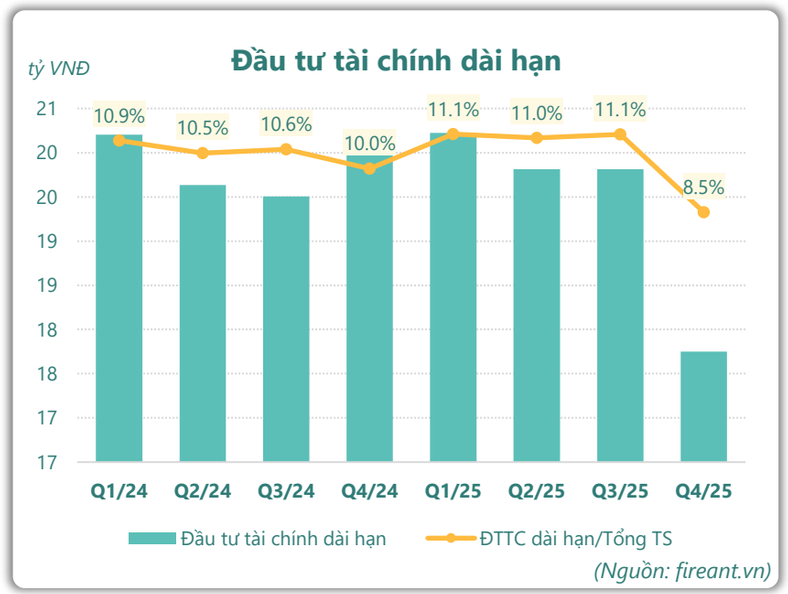
(Nguồn: fireant.vn)



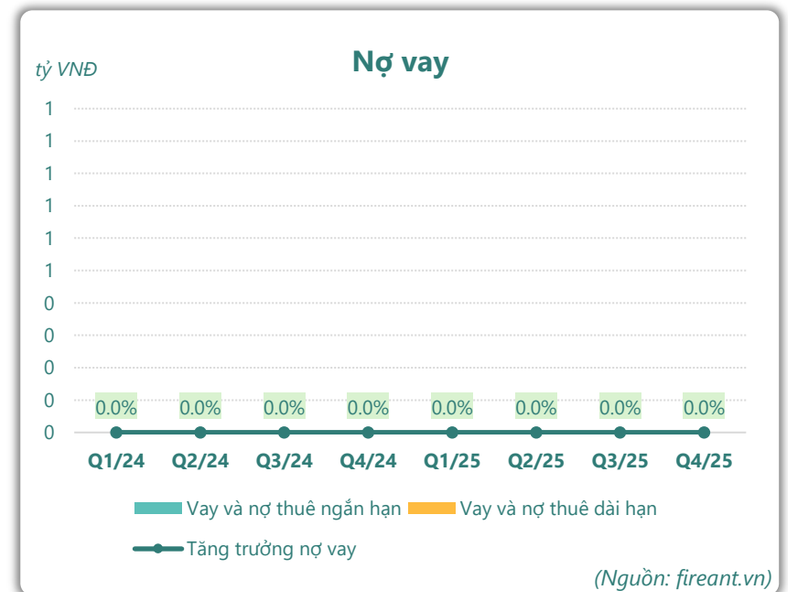
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



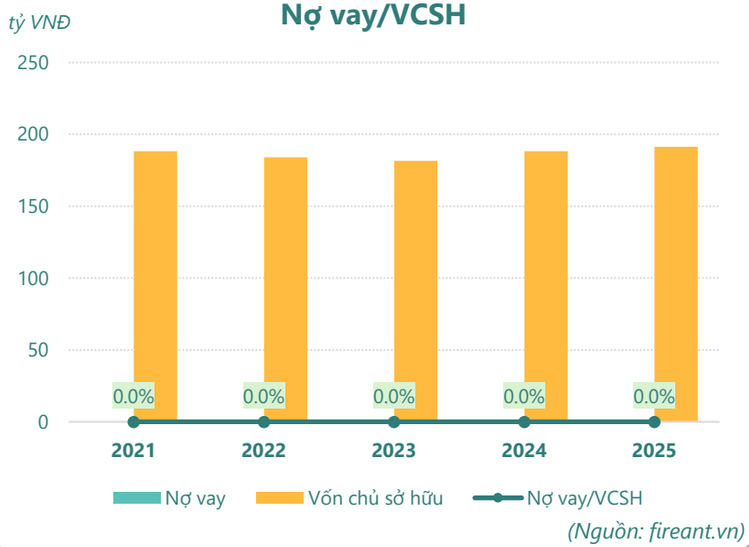
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

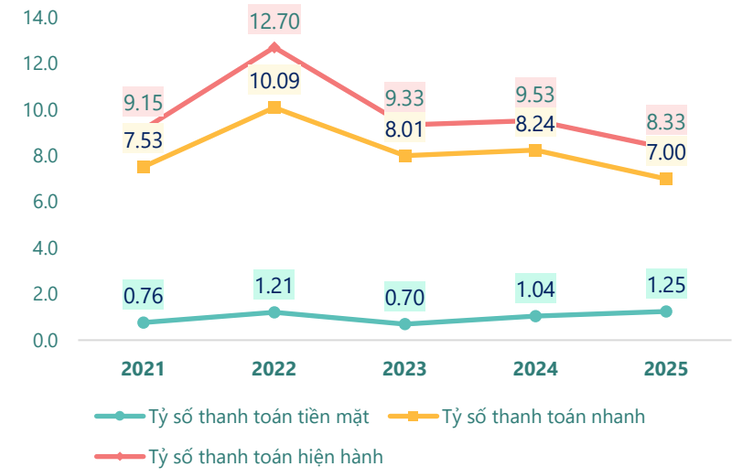
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



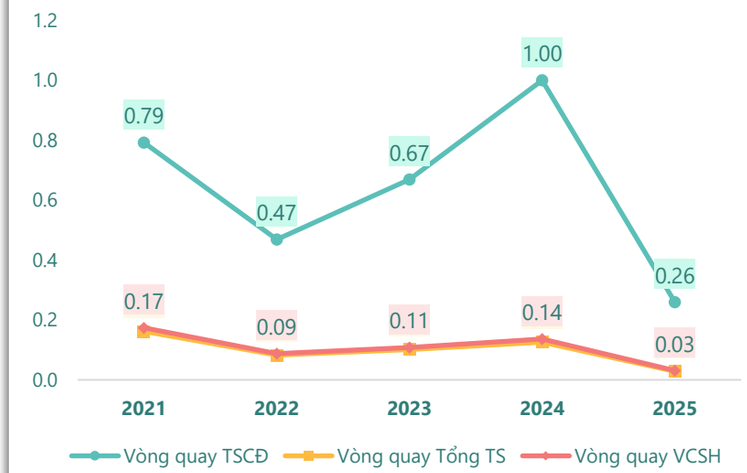
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



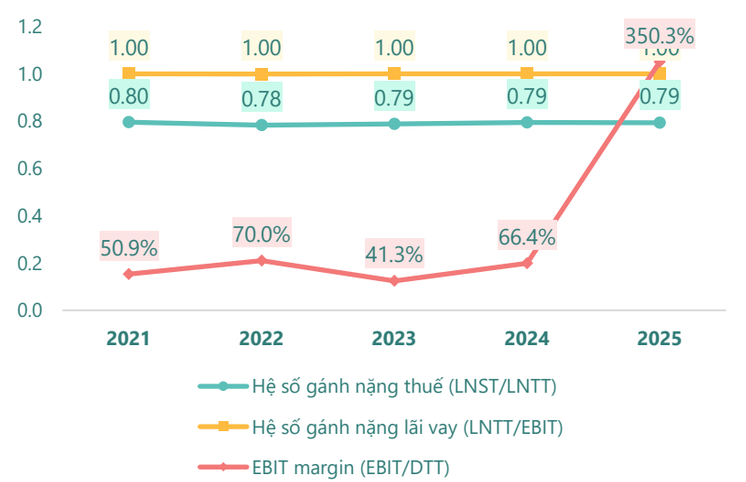
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



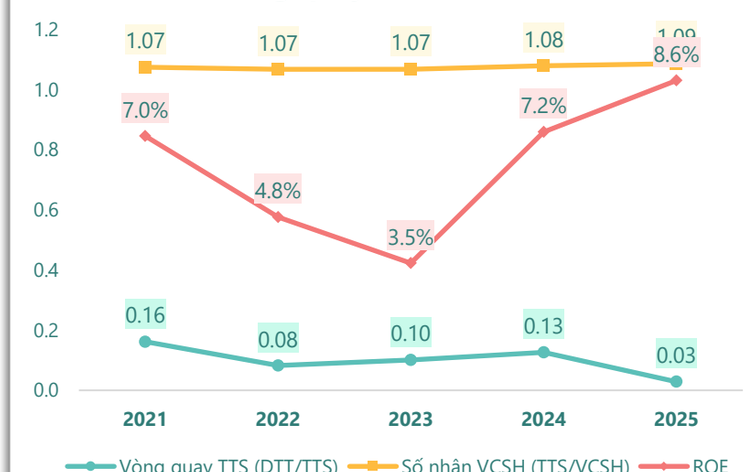
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



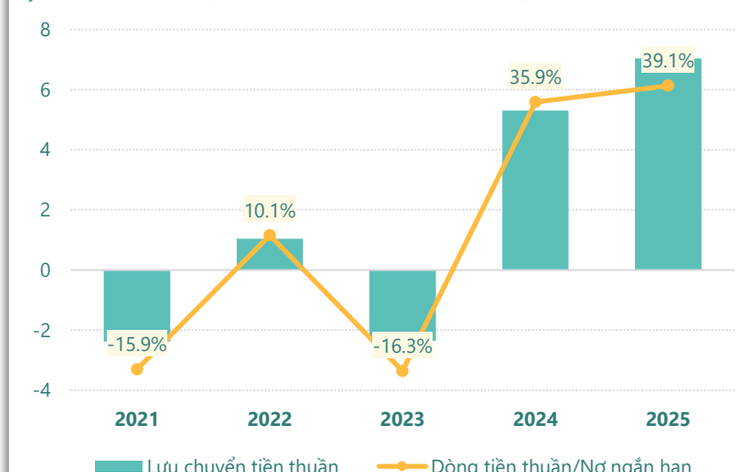
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1.57**	**3.63**	**-56.7%**	**5.87**	**25.1**	**-76.7%**
Giá vốn hàng bán	8.16	8.00	2.0%	15.6	25.6	-38.9%
Lợi nhuận gộp	-6.59	-4.37	-50.8%	-9.76	-0.43	-2147%
Doanh thu HĐTC	1.55	1.46	6.4%	5.19	5.81	-10.7%
Chi phí TC	2.06	-0.72	387%	2.47	0.27	831%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.00	0.00		0.00	0.06	-94.4%
Chi phí QLDN	**3.57**	**3.02**	**18.1%**	**11.3**	**10.4**	**8.8%**
LN thuần từ HĐKD	-10.7	-5.21	-105%	-18.4	-5.35	-243%
Lợi nhuận khác	**38.6**	**21.2**	**81.9%**	**38.9**	**22.0**	**76.6%**
LN trước thuế	27.9	16.0	74.4%	20.6	16.7	23.1%
Lợi nhuận sau thuế	**23.7**	**12.8**	**84.9%**	**16.3**	**13.2**	**23.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**23.7**	**12.8**	**84.9%**	**16.3**	**13.2**	**23.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-15.1	16.8	-17.5	-1.78	-9.56	3.29
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	7.07	-3.12	13.9	1.60	9.18	19.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-8.75	0	0	-2.92
Tiền đầu kỳ	9.76	1.68	15.4	3.03	2.85	2.46
Lưu chuyển tiền thuần	**-8.08**	**13.7**	**-12.4**	**-0.18**	**-0.38**	**20.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.68	15.4	3.03	2.85	2.46	22.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**209**	**203**	**3.1%**
Tài sản ngắn hạn	150	141	6.8%
Tiền và tương đương tiền	22.4	15.4	45.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	102	105	-2.4%
Phải thu ngắn hạn	1.46	1.62	-10.0%
Hàng tồn kho	24.1	19.0	27.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.08	0.05	67.7%
Tài sản dài hạn	**59.1**	**62.4**	**-5.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	22.4	22.8	-1.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	17.7	19.4	-8.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	17.8	20.2	-12.2%
Tài sản dài hạn khác	**1.27**	**0.02**	**6388%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	18.0	14.8	22.1%
Nợ ngắn hạn	**18.0**	**14.8**	**22.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.17	1.29	-86.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**191**	**188**	**1.6%**
Vốn chủ sở hữu	**191**	**188**	**1.6%**
Vốn điều lệ	175	175	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)